

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 22 /GPMT-UBND

Yên Bái, ngày 06 tháng 01 năm 2023

## **GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của  
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của  
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều  
của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Quyết định 19/2022/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2022 của  
Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định một số nội dung trong công  
tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Yên Bái.*

*Xét đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty Liên doanh Canxi  
Cacbonat YBB tại Văn bản số YBB-MA005/22-LR ngày 19 tháng 10 năm 2022  
về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Nhà máy chế biến đá vôi tại xã  
Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái và hồ sơ kèm theo.*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Yên Bái tại  
Tờ trình số 612/TTr-STNMT ngày 22 tháng 12 năm 2022.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Cấp phép cho Công ty Liên doanh Canxi Cacbonat YBB, địa chỉ  
tại xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái được thực hiện các hoạt động  
bảo vệ môi trường của Nhà máy chế biến đá vôi tại xã Văn Phú, thành phố Yên  
Bái, tỉnh Yên Bái với các nội dung như sau:

#### **1. Thông tin chung của cơ sở:**

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy chế biến đá vôi tại xã Văn Phú, thành phố Yên



Bái, tỉnh Yên Bái.

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5200126697, đăng ký lần đầu ngày 09/12/1996, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 24/02/2020 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Yên Bái cấp.

1.4. Mã số thuế: 5200126697.

1.5. Loại hình sản xuất: Nhà máy chế biến đá vôi.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Phạm vi: Diện tích nhà máy là 75.420,6 m<sup>2</sup>, diện tích cảng Hương Lý là 25.285,3 m<sup>2</sup>.

- Quy mô, công suất: 320.000 tấn sản phẩm/năm, trong đó: 20.000 tấn sản phẩm/năm đối với sản phẩm là bột canxi cacbonat, 300.000 tấn sản phẩm/năm đối với sản phẩm đá chíp.

**2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả bụi, khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Thực hiện yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 05 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của đơn vị được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Liên doanh Canxi Cacbonat có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.



2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để được xem xét, quyết định.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký Giấy phép. Giấy xác nhận số 1145/GXN-STNMT ngày 19/6/2014 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc đã thực hiện các công trình, biên pháp bảo vệ môi trường của Nhà máy chế biến đá hạt, đá vôi bột xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực.

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân thành phố Yên Bái tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Công Thương; Giám đốc Công ty Liên doanh Canxi Cacbonat; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Yên Bái; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Văn Phú, thành phố Yên Bái và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này/.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch UBND tỉnh (báo cáo);
- Phó Chủ tịch TT UBND tỉnh;
- Phó CVP (TH) UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Trung tâm ĐH thông minh tỉnh;
- Lưu: VT, TNMT, NLN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thế Phước

## PHỤ LỤC 01:

# NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **22** /GPMT-UBND ngày **06** tháng **01** năm **2023** của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

## A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

### 1. Nguồn phát sinh nước thải

- Trong quá trình hoạt động của Nhà máy tổng lượng nước thải phát sinh từ các nguồn thải (*nước thải sinh hoạt, nước thải rửa đá, nước làm mát*) là 40 m<sup>3</sup>/ngày đêm, cụ thể:

+ Nước thải sinh hoạt: Nguồn phát sinh từ hoạt động của cán bộ công nhân nhà máy là 2,15 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

+ Nước thải sản xuất: Nguồn phát sinh từ quá trình rửa đá, nghiền thô là 37,4 m<sup>3</sup>/ngày đêm; từ quá trình làm mát của dây chuyền nghiền tinh là 0,45 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Thành phần các chất ô nhiễm chủ yếu trong nước thải là: Chất rắn lơ lửng (TSS), các hợp chất hữu cơ (BOD<sub>5</sub>, COD), các chất dinh dưỡng (tổng Nitơ (N), tổng Phốt pho (P)) và các vi sinh vật...

### 2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

**2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:** Nguồn tiếp nhận nước thải của Nhà máy là Khe nước giáp khu vực Nhà máy sau đó chảy ra sông Hồng cách Nhà máy khoảng 1,5 km thuộc xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

#### 2.2. Vị trí xả nước thải

- Vị trí xả thải nước thải của Nhà máy: Khe nước giáp khu vực Nhà máy cách sông Hồng khoảng 1,5 km.

- Tọa độ xả nước thải sinh hoạt (*theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 104<sup>0</sup>45' múi chiếu 3<sup>0</sup>*): X= 2.398.293,5; Y= 517.871,66.

**2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:** Lưu lượng xả nước thải lớn nhất là 40 m<sup>3</sup>/ngày đêm, tương đương khoảng 1,67 m<sup>3</sup>/giờ.

#### 2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau xử lý được dẫn qua hệ thống đường ống xả thải bằng HDPE D300.

- Phương thức xả thải: Nước thải sau xử lý được xả thải theo phương thức tự chảy, theo đường ống HDPE D300 ra khe nước giáp khu vực Nhà máy và chảy ra sông Hồng.



2.3.2. Chế độ xả nước thải: Chảy gián đoạn.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, cụ thể như sau:

Toàn bộ nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B ( $K=1,2$ ) và QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp, cột B ( $K_q=0,9; K_f=1,2$ ), với các thông số như sau:

TT	Thông số	Đơn vị tính	Quy chuẩn áp dụng	
			QCVN 14:2008/BTNMT ( $K=1,2$ )	QCVN 40:2011/BTNMT ( $K_q=0,9; K_f=1,2$ )
1	pH	-	5-9	5,5-9
2	Nhu cầu oxy hoá học (COD)	mg/l	-	162
3	Nhu cầu oxy sinh học (BOD <sub>5</sub> )	mg/l	60	54
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120	108
5	Tổng chất rắn hoà tan (TDS)	mg/l	1.200	-
6	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)	mg/l	12	10,8
7	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> ) (tính theo N)	mg/l	60	-
8	Phosphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> )	mg/l	12	-
9	Tổng Nitơ	mg/l	-	43,2
10	Tổng Phospho	mg/l	-	6,48
11	Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	4,8	0,54
12	Asen	mg/l	-	0,108
13	Sắt	mg/l	-	5,4
14	Dầu mỡ khoáng	mg/l	-	10,8
15	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	24	-
16	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12	-
17	Tổng Coliform	MPN/100 mL	5.000	5.000

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

#### 1.1. Mạng lưới thu gom và công trình, thiết bị xử nước thải

##### a) Nước thải sinh hoạt

- Nước thải phát sinh từ các nhà vệ sinh (bao gồm nước rửa tay chân, nước tắm, giặt trong nhà vệ sinh) của Nhà máy được thu gom về bể tự hoại 03 ngăn sau



đó theo đường ống PVC D75 nối vào rãnh thu gom về hồ lắng số 01. Bố trí 03 bể tự hoại 03 ngăn (*kích thước mỗi bể: dài x rộng x sâu = 4,9 m x 01 m x 1,4m*).

- Nước thải phát sinh từ nhà bếp, nhà ăn được thu gom, qua song chắn rác và xử lý bằng bể tách mỡ sinh học 03 ngăn (*kích thước dài x rộng x sâu = 1,5 m x 2 m x 1,5m*) sau đó theo đường ống PVC D90 dài 10 m nối vào rãnh thu gom về hồ lắng số 01.

Toàn bộ nước thải sau khi qua hệ thống 04 hồ lắng (*công trình xử lý nước thải sản xuất*) chảy ra khe nước giáp khu vực Nhà máy và chảy ra sông Hồng.

#### b) Nước mưa chảy tràn

- Hệ thống thoát nước được thiết kế theo nguyên tắc tự chảy.

- Nước mưa trên mái nhà được thu theo đường ống PVC 90 sau đó được dẫn về rãnh thu gom chung của Nhà máy.

- Nước mưa tại mặt bằng của Nhà máy: Được thu gom vào các rãnh xây xung quanh Nhà máy (*kích thước rộng x sâu = 0,4 m x 0,3m*), sau đó qua các công tiêu thoát nước (*kích thước dài x rộng x sâu = 120 m x 1,1 m x 0,8m*) và dẫn vào hồ lắng (*công trình xử lý nước thải sản xuất*) để lắng cặn.

- Nước mưa khu vực bến thủy tại km 13, thị trấn Yên Bình: Được thu gom vào các rãnh đào (*kích thước đáy lớn x đáy nhỏ x sâu = 0,5 m x 0,4 m x 0,3 m; dài 45m*) và 01 hố ga (*kích thước dài x rộng x sâu = 2 x 1 x 1m*) để lắng cặn trước khi chảy ra hồ Thác Bà.

#### c) Nước thải sản xuất

- Nước thải từ hoạt động rửa, làm sạch đá, nghiền thô: Được thu gom qua hệ thống rãnh bằng bê tông, có nắp đậy (*kích thước dài x rộng x sâu = 585 m x 0,8 m x 0,8 m, phần qua đường được xây dựng ngầm bằng cống bê tông*) về hồ lắng số 01. Tại bãi tập kết sản phẩm đá hạt phía dưới Nhà máy nước rửa đá được chảy theo hướng địa hình về hồ lắng số 04.

- Nước thải từ hệ thống nước làm mát của dây chuyền nghiền siêu mịn: được thu gom dẫn qua cống bê tông (*kích thước dài x rộng x sâu = 210 m x 0,8 m x 0,8 m*) về hồ lắng số 01.

### **1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải**

- Nước thải sinh hoạt: Toàn bộ nước thải sinh hoạt được thu gom vào các bể tự hoại 03 ngăn, bể tách dầu mỡ 03 ngăn theo cơ chế tự chảy sau đó qua rãnh về hệ thống các hồ lắng và thải ra môi trường (*Thông số kỹ thuật như khoản a, tiểu mục 1.1, mục 1, phần B phụ lục này*)

- Nước mưa chảy tràn: Nước mưa chảy tràn được thu gom vào các hệ thống rãnh thoát nước và lắng qua các hố ga trước khi thải ra môi trường (*Thông số kỹ thuật như khoản b, tiểu mục 1.1, mục 1, phần B phụ lục này*).



- Nước thải sản xuất: Nước thải sản xuất sau khi được thu gom qua các rãnh chảy về hệ thống 04 hồ lắng (*được đào đắp bằng đất*) để lắng cặn trước khi thải ra môi trường. Thông số kỹ thuật của các hồ lắng cụ thể như sau:

STT	Hồ lắng	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)	Dung tích (m <sup>3</sup> )
1	Hồ lắng số 01 (lắng sơ cấp)	15	13	975
2	Hồ lắng số 02 (thứ cấp 1)	60	25	7.500
3	Hồ lắng số 03 (thứ cấp 2)	30	25	3.750
4	Hồ lắng số 4 (thứ cấp 3)	43	25	6.450

Tóm tắt quy trình xử lý nước thải: Toàn bộ nước thải sau khi được thu gom về hồ lắng số 01 được lắng sơ bộ và sử dụng hóa chất khử trùng, sau đó chảy tràn qua các hồ lắng số 02 và 03 (hồ thứ cấp 01, 02) để tiếp tục lắng cặn. Tại phía cuối của hồ lắng số 02 và 03, lắp đặt hai máy bơm nước (*công suất 1,2Kw và 7,5Kw*) để tuần hoàn quay trở lại sản xuất. Đồng thời một phần nước thải tại 02 hồ này sẽ chảy tràn sang hồ lắng số 04 (hồ thứ cấp 03) sau đó theo đường ống dẫn ra khe nước giáp Nhà máy và chảy ra sông Hồng. Toàn bộ nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B ( $K=1,2$ ) và QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp, cột B ( $K_q=0,9$ ;  $K_f=1,2$ ).

**1.3. Biện pháp, công trình ứng phó sự cố:** Thường xuyên kiểm tra theo dõi hoạt động của hệ thống thu gom, xử lý nước thải; bảo dưỡng, bảo trì định kỳ hệ thống đảm bảo vận hành không bị quá tải.

## 2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất, nước mưa chảy tràn Nhà máy đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này, đảm bảo các quy chuẩn quốc gia về môi trường hiện hành trước khi xả ra ngoài môi trường.

- Thực hiện quan trắc định kỳ chất lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ cơ sở với tần suất 03 tháng/01 lần theo quy định.



**PHỤ LỤC 02:**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ BỤI, KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ**  
**MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 12 năm 2022  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**

**1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải:** Trong quá trình sản xuất, Nhà máy phát sinh bụi, khí thải từ dây chuyền nghiền thô, dây chuyền nghiền siêu mịn, bụi từ quá trình vận chuyển sản phẩm tại kho chứa nguyên liệu thành phẩm, từ quá trình xúc bốc, vận chuyển đá từ bến thủy nội địa khu vực cảng Hương Lý về nhà máy chế biến, trong đó nguồn phát sinh bụi, khí thải chủ yếu của Nhà máy là từ dây chuyền nghiền siêu mịn và dây chuyền tráng phủ, cụ thể:

- Nguồn phát sinh số 01: Bụi, khí thải từ dây chuyền nghiền siêu mịn.
- Nguồn phát sinh số 02: Bụi, khí thải từ dây chuyền tráng phủ.

**2. Dòng khí thải, vị trí xả bụi, khí thải**

**2.1. Vị trí xả bụi, khí thải:** Tại Nhà máy chế biến đá vôi của Công ty Liên doanh Canxi Cacbonat YBB tại thôn Văn Quý, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái:

- Vị trí số 01: Hệ thống lọc bụi dây chuyền nghiền siêu mịn. Ống phóng không số 01. Tọa độ vị trí xả bụi, khí thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục  $104^{\circ}45'$  múi chiếu  $3^{\circ}$ ):  $X_1 = 2.398.180,5$ ;  $Y_1 = 518.015,2$ .

- Vị trí số 02: Hệ thống lọc bụi dây chuyền tráng phủ. Ống phóng không số 02. Tọa độ vị trí xả bụi, khí thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục  $104^{\circ}45'$  múi chiếu  $3^{\circ}$ ):  $X_2 = 2.398.188,4$ ;  $Y_2 = 518.023,7$ .

**2.2. Lưu lượng xả bụi, khí thải lớn nhất:** Lưu lượng xả bụi, khí thải lớn nhất là của mỗi ống phóng không là  $396.000 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ , tương đương khoảng  $16.500 \text{ m}^3/\text{giờ}$ .

**2.2.1 Phương thức xả khí thải:** Bụi, khí thải sau khi được xử lý qua phóng ống không xả ra môi trường (xả liên tục).

**2.2.2 Chất lượng khí thải trước khi xả thải vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải, cụ thể như sau:**

Toàn bộ lượng bụi và khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ ( $K_p=1, K_v=0,8$ ), cụ thể như sau:



TT	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép theo QCVN 19:2009/BTNMT ( $C_{max}, K_p=1, K_v=0,8$ )
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	160
2	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	800
3	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	400
4	NO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	680
5	Bụi Silic	mg/Nm <sup>3</sup>	40

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải

#### 1.1. Mạng lưới thu gom và công trình, thiết bị xử bụi, khí thải

- Bụi phát sinh từ dây chuyền nghiền siêu mịn được hút vào các ống hút qua hệ thống quạt hút công suất 14.500 - 16.500 m<sup>3</sup> khí thải/giờ về hệ thống xử lý (toàn bộ dây chuyền có 15 miệng hút, trong đó 13 miệng hút Ø100 và 02 miệng Ø60) được lắp đặt tại 02 máy đóng bao.

- Bụi phát sinh từ dây truyền nghiền thô: Bố trí 02 bơm với công suất 250W để đập bụi và rửa đá. Nước được bơm từ hồ lắng số 02 qua đường ống HDPE D50 lên bể chứa nước dung tích khoảng 50 m<sup>3</sup> sau đó bơm qua đường ống HDPE, đường ống vải mềm phun nước đập bụi và rửa đá.

- Bụi phát sinh từ kho chứa nguyên liệu dạng hạt bột thô của dây truyền siêu mịn: Lắp đặt cửa cuốn để bịt kín cửa ra vào ở phía giáp đường sắt và có biện pháp che chắn các ô thoáng giữa tường kho với mái tôn để tránh không cho gió lùa vào đồng nguyên liệu phát tán bụi ra môi trường. Các bãi đá sản phẩm tập kết tại kho chứa đều được dùng bạt che kín không cho bụi phát tán ra môi trường xung quanh.

#### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Bụi phát sinh từ dây chuyền nghiền siêu mịn: Bụi sau khi hút được thu gom theo đường ống (kích thước 30 cm x 30 cm) về hệ thống lọc bụi (hệ thống kín) gồm 02 Cyclone và 88 túi lọc bụi tay áo. Bụi sau đó được thu về đáy Cyclone kín để thu hồi lại sản phẩm. Hệ thống túi lọc bụi tại dây chuyền tráng phủ gồm 36 túi lọc bụi tay áo đường kính D120 mm, dây chuyền nghiền siêu mịn gồm 126 túi lọc bụi tay áo đường kính D120 mm. Khí sạch sau đó được thoát ra môi trường qua 02 ống phóng không.

- Bụi phát sinh từ dây truyền nghiền thô: Được bơm nước lên để rửa đá và



dập bụi. Nước thải sau đó được thu gom vào các hệ thống rãnh thoát nước và lắng qua các hố ga trước khi thải ra môi trường.

- Bụi phát sinh từ kho chứa nguyên liệu dạng hạt bột thô của dây truyền siêu mịn: Bố trí cửa cuốn, bạt và các biện pháp che chắn, đảm bảo bụi không phát tán ra ngoài môi trường xung quanh.

**1.3. Biện pháp, công trình ứng phó sự cố:** Thường xuyên kiểm tra theo dõi hoạt động của hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí thải; bảo dưỡng, bảo trì định kỳ hệ thống đảm bảo vận hành không bị quá tải.

## **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

- Thu gom, xử lý bụi, khí thải của Nhà máy đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này, đảm bảo các quy chuẩn quốc gia về môi trường hiện hành trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường đối với hoạt động vận chuyển đá từ bến thủy nội địa khu vực cảng Hương Lý về nhà máy chế biến, cụ thể gồm:

+ Tưới nước giảm bụi 2 lần/ngày vào những ngày nắng tại khu vực xe vận chuyển đi qua.

+ Các xe chở vật liệu cũng như chất thải đảm bảo chở đúng tải trọng quy định. Các phương tiện được kiểm tra định kỳ, tất cả các xe vận tải sử dụng đạt tiêu chuẩn về khí thải đảm bảo môi trường, an toàn kỹ thuật về mức độ an toàn theo quy định của Cục Đăng kiểm. Trong quá trình vận chuyển đá, xe được phủ bạt kín khít, thùng xe không coi nói, để không làm rơi vãi vật liệu ra đường giao thông, phát tán bụi ra môi trường, ảnh hưởng đến sinh hoạt của nhân dân.

- Thực hiện quan trắc định kỳ chất lượng môi trường không khí tại cơ sở với tần suất 03 tháng/01 lần theo quy định.



**PHỤ LỤC 03:**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 12 năm 2022  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:** Trong quá trình sản xuất, Nhà máy phát sinh tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của các dây chuyền sản xuất, từ quá trình xúc bốc, vận chuyển đá từ bến thủy nội địa khu vực cảng Hương Lý về nhà máy chế biến.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Vị trí số 01: Khu vực dây chuyền nghiền thô.
- Vị trí số 02: Khu vực dây chuyền nghiền siêu mịn.
- Nguồn số 03: Khu vực bến thủy nội địa.
- Vị trí tọa độ khu vực phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục  $104^{\circ} 45'$  múi chiếu  $3^{\circ}$ ):

Vị trí tọa độ khu vực phát sinh tiếng ồn					
STT	X	Y	STT	X	Y
<b>I</b>	<b>Khu vực nhà máy</b>		<b>II</b>	<b>Bến thủy nội địa</b>	
1	2.398.314,23	518.067,30	1	2.405.464,84	522.480,69
2	2.398.272,70	518.158,68	2	2.405.342,46	522.550,89
3	2.398.161,09	518.195,53	3	2.405.296,00	522.526,88
4	2.398.107,57	518.177,77	4	2.405.205,35	522.410,78
5	2.398.133,52	517.939,28	5	2.405.245,32	522.390,72
6	2.398.146,48	517.910,63	6	2.405.448,16	522.416,90
7	2.398.236,01	517.773,67			
8	2.398.276,74	517.821,42			
9	2.398.287,34	517.852,37			

**3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với tiếng ồn, độ rung, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:**



### 3.1 Tiếng ồn

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	3 tháng/lần	Khu vực thông thường

### 3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	3 tháng/lần	Khu vực thông thường

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

### 1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Xây dựng tường bao xung quanh khu vực Nhà máy.
- Các máy móc kỹ thuật của Nhà máy được bao che, vận hành theo đúng công suất thiết kế và có kế hoạch kiểm tra, giám sát, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo hoạt động tốt trong suốt quá trình.
- Lập nội quy ra/vào khu vực dự án, hạn chế sự lưu thông của các phương tiện vận tải có tải trọng lớn.
- Tưới nước thường xuyên cho các tuyến đường vận tải chính tại Nhà máy.
- Trồng cây xanh trong khuôn viên dự án.

### 2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại mục A phụ lục này và theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia với tiếng ồn, độ rung, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; QCVN 24/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.



**PHỤ LỤC 04:**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ**  
**ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh**

- Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên: Chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang thải, bao bì kim loại cứng thải, bao bì mềm thải, pin ắc quy chì thải, giẻ lau có chứa chất thải nguy hại, các loại dầu thải,... với khối lượng trung bình khoảng 720 kg/năm, cụ thể như sau:

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg/năm)
1	Hoá chất và hỗn hợp hoá chất phòng thí nghiệm thải có các thành phần nguy hại	19 05 02	06
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	12
3	Dầu thải	16 01 08	420
4	Bộ lọc dầu đã qua sử dụng	15 01 02	12
5	Pin ắc quy chì thải	19 06 01	60
6	Bao bì mềm thải	18 01 01	24
7	Giẻ lau có chứa chất thải nguy hại	18 02 01	96
8	Bao bì kim loại cứng thải	18 01 02	84
9	Các thiết bị linh kiện điện tử thải	16 01 13	06
<b>Tổng khối lượng (kg)</b>			<b>720</b>

- Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường: Mạt đá rơi vãi của hệ thống nghiền thô; bụi từ hệ thống xử lý bụi tại dây chuyền nghiền siêu mịn và nghiền thô phát sinh với khối lượng khoảng 200 - 1000 tấn/năm (tùy theo công suất của nhà máy tại từng thời điểm). Mạt đá tại khu vực bãi rửa đá phát sinh với khối lượng khoảng 60 tấn/năm.

- Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt: phát sinh chủ yếu là thức ăn, rau, củ quả thừa, túi ni lông, hộp xốp, chai nhựa, giấy carton,... với khối lượng trung bình khoảng 55,6 tấn/năm năm (tương đương 152 kg/ngày).



## **2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại**

### **2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại**

- Thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại: Bố trí các thùng phuy để thu gom và lưu chứa chất thải nguy hại.

- Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại: Bố trí 02 kho chứa CTNH. Kho chứa CTNH lòng diện tích  $1,98\text{m}^2$  (kích thước  $1,8 \times 1,1\text{m}$ ). Kết cấu móng đổ bê tông cốt thép, nền bê tông đá 1x2 vữa xi măng mác 150 dày 15cm, tường bao xung quanh kho xây bằng gạch đặc vữa xi măng mác 75, mái lợp tôn mạ màu. Kho chứa CTNH rắn diện tích  $8,8 \text{m}^2$  (kích thước  $5,5 \text{m} \times 1,6 \text{m}$ ). Kết cấu móng đổ bê tông cốt thép, nền kho bê tông đá 1x2 vữa xi măng mác 150 dày 15 cm, tường bao vây tôn, mái lợp tôn mạ màu.

Chủ cơ sở có trách nhiệm thuê đơn vị có đủ năng lực để vận chuyển xử lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo theo quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

### **2.2 Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường**

Toàn bộ lượng mặt đá phát sinh được thu gom chuyển về khu lưu chứa nguyên liệu, có hệ thống bờ chắn đã đổ bằng bê tông bao quanh (kích thước bờ chắn rộng x cao =  $0,25 \text{m} \times 0,8 \text{m}$ ), lượng bụi phát sinh được thu gom đóng bao chuyển về kho chứa nguyên liệu và bán cho các đơn vị có nhu cầu sử dụng. Ngoài ra, Nhà máy sẽ sử dụng một phần mặt đá để làm đường nội bộ Nhà máy, để đắp bờ dọc theo các hồ lắng của Nhà máy và sử dụng để nghiền các sản phẩm bột cấp thấp.

### **2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt**

Bố trí các thùng chứa rác thải dung tích 120 lít hoặc 240 lít đặt tại các khu vực văn phòng nhà điều hành, nhà ăn, khu vực sản xuất. Cuối ngày được thu gom về điểm tập kết rác thải sinh hoạt tại khu vực cổng nhà máy gồm 02 thùng rác nhựa dung tích  $1,5 \text{m}^3$ . Định kỳ, 1 lần/ngày thuê đơn vị thu gom xử lý rác thải sinh hoạt để thu gom, vận chuyển đi xử lý.

## **B. PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

- Thường xuyên kiểm tra theo dõi hoạt động của hệ thống xử lý nước thải. Định kỳ duy tu, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải đảm bảo hệ thống hoạt động không bị quá tải. Trường hợp hệ thống xử lý nước thải chưa đáp ứng được yêu cầu hoạt động và không xả nước thải chưa được xử lý nước thải ra ngoài môi trường.

- Thực hiện các biện pháp phòng cháy, chữa cháy theo quy định về phòng cháy, chữa cháy.

- Các loại chất thải nguy hại phải được phân loại, để đúng vào các thùng chứa được dán nhãn, mác, mã số quản lý chất thải nguy hại; kho chứa chất thải nguy hại phải đảm bảo theo quy định. Định kỳ thuê đơn vị có đầy đủ chức năng để vận chuyển, xử lý đảm bảo theo quy định.



**PHỤ LỤC 05:**  
**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 12 năm  
2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung theo Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường được cấp phép; tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật có liên quan, đặc biệt lưu ý tuân thủ các yêu cầu cụ thể sau:

1. Thường xuyên vận hành công trình xử lý chất thải và phải xử lý đảm bảo các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường trước khi thải ra ngoài môi trường trong quá trình hoạt động sản xuất tại Nhà máy.

2. Thực hiện quản lý các loại chất thải phát sinh trong quá trình sản xuất của Nhà máy đảm bảo theo quy định.

3. Tuyệt đối không sử dụng các loại máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất và các vật liệu khác bị cấm sử dụng tại Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Thực hiện nghiêm Chương trình quản lý, giám sát, quan trắc môi trường như đã đề xuất trong Báo cáo; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát môi trường và định kỳ báo cáo cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường; bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình giám sát môi trường như đã nêu trong Báo cáo.

5. Thực hiện các yêu cầu của cơ quan chức năng trong quá trình thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về môi trường đối với Nhà máy.

6. Có trách nhiệm hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra thực hiện kế hoạch quản lý môi trường, việc triển khai các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan đến Nhà máy khi được yêu cầu./.